

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - 1104104

Mã lớp học phần: 110410403

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trần Thế Sao

Ngày thi: 19/12/2014

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: P. Thuận Ký tên: _____
Giám thị 2: B. Thuận Ký tên: h
Giám thị 3: V. Phước Ký tên: Phước
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210140337	Nguyễn Thị Thu Trang	08/10/1994	<u>Trang</u>		8	đám	C14TC3	
2	1210140340	Phạm Thị Thùy Trang	13/07/1994	<u>Thùy</u>		6	sáu	C14TC3	
3	1210140342	Trần Thị Xuân Trang	01/01/1994	<u>Xuân</u>		7	Bảy	C14TC3	
4	1210140343	Võ Trần Thùy Trang	26/11/1994	<u>Thùy</u>		7	Bảy	C14TC3	
5	1210140325	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm	19/11/1994	<u>Ngọc</u>		9	chín	C14TC3	
6	1210140326	Nguyễn Ngọc Trâm	11/10/1994	<u>ngonai</u>		5	năm	C14TC3	
7	1210140327	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/04/1994	<u>Trang</u>		8	đám	C14TC3	
8	1210140328	Phan Nguyễn Khánh Trân	25/08/1994	<u>Trân</u>		4	Bốn	C14TC3	
9	1210140347	Nguyễn Tú Trinh	17/07/1994	<u>Tú</u>		7	Bảy	C14TC3	
10	1210140348	Trương Thị Phương Trinh	22/01/1994	<u>Trinh</u>		9	chín	C14TC3	
11	1210140349	Vũ Thị Ngọc Trinh	01/01/1994	<u>Trinh</u>		7	Bảy	C14TC3	
12	1210140350	Lã Bá Trinh	19/09/1994	<u>Trinh</u>		8	đám	C14TC3	Nợ HP
13	1210140355	Lê Quốc Trung	28/01/1994	<u>Trung</u>		5	năm	C14TC3	
14	1210140358	Nguyễn Thị Thanh Truyền	12/02/1994	<u>Truyền</u>		5	năm	C14TC3	
15	1210140353	Lê Nhật Trường	01/08/1994	<u>Trang</u>		8	đám	C14TC3	
16	1210140351	Đậu Quốc Trực	25/11/1994	<u>Trực</u>		7	Bảy	C14TC3	
17	1210140359	Chung Viêt Tuấn	17/09/1993	<u>Trang</u>		6	sáu	C14TC3	
18	1210140361	Tạ Hoàng Tuấn	04/10/1994	<u>Trang</u>		6	sáu	C14TC3	
19	1210140398	Trương Minh Tuấn	19/04/1994	<u>Trang</u>		8	đám	C14TC3	
20	1210140369	Bùi Thị Ngọc Tuyên	28/05/1994	<u>Trang</u>		7	Bảy	C14TC3	
21	1210140370	Nguyễn Văn Tuyên	24/10/1993	<u>Trang</u>		8	đám	C14TC3	
22	1110140322	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	16/12/1992	<u>Trang</u>		8	đám	C13TC3	Nợ HP
23	1210140371	Đặng Thị Ánh Tuyết	03/04/1994	<u>Trang</u>		9	chín	C14TC3	
24	1210140365	Đỗ Lê Tùng	25/09/1994	<u>Trang</u>		8	đám	C14TC3	
25	1210140362	Huỳnh Kỳ Tùng	24/05/1994	<u>Trang</u>		8	đám	C14TC3	
26	1210140363	Nguyễn Thanh Tùng	19/10/1991	<u>Trang</u>		8	đám	C14TC3	Nợ HP
27	1210140364	Nguyễn Thanh Tùng	08/08/1993	<u>Trang</u>		3	Ba	C14TC3	
28	1210140366	Đào Trọng Thanh Tú	16/11/1994	<u>Trang</u>		4	Bốn	C14TC3	
29	1210140367	Nguyễn Thị Cẩm Tú	10/04/1994	<u>Trang</u>		7	Bảy	C14TC3	
30	1210140322	Lê Hồng Tươi	15/09/1994	<u>Trang</u>		5	năm	C14TC3	
31	1210140323	Trần Thị Tươi	05/01/1993	<u>Trang</u>		8	đám	C14TC3	
32	1210140374	Lê Ngọc Uyên Uyên	09/03/1994	<u>Trang</u>		6	sáu	C14TC3	

Trang

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210140376	Nguyễn Thị Thảo Uyên	12/11/1993			8	đám	C14TC3	
34	1210140373	Hoàng Thị Út	25/06/1993			4	Bôn	C14TC3	
35	1210140378	Lê Văn Vàng	04/05/1993			5	năm	C14TC3	
36	1210140377	Lê Thị Cẩm Vân	05/10/1992			6	Sáu	C14TC3	
37	1210140379	Lê Thị Thảo Vi	25/11/1993			6	Sáu	C14TC3	
38	1210140380	Võ Văn Việt	11/12/1993			7	Bảy	C14TC3	
39	1210140381	Huỳnh Bá Vĩ	21/04/1993			✓	✓	C14TC3	Nợ HP ✓
40	1210140382	Lê Thị Bích Vĩ	16/02/1993			7	Bảy	C14TC3	
41	1210140383	Nguyễn Ngọc Vương	01/06/1994			4	Bôn	C14TC3	
42	1210140384	Hà Thúc Phương Vy	25/01/1994			6	Sáu	C14TC3	
43	1210140385	Lê Tự Hoài Vy	24/02/1994			5	năm	C14TC3	
44	1210140387	Phan Nguyễn Tường Vy	11/11/1994			9	chín	C14TC3	
45	1210140388	Phạm Tuyết Xuân	31/12/1994			8	đám	C14TC3	
46	1210140393	Cao Nguyễn Xuân Yên	22/07/1994			8	đám	C14TC3	
47	1210140389	Lương Thị Kim Yên	05/11/1994			9	chín	C14TC3	
48	1210140391	Nguyễn Ngọc Yên	10/10/1994			9	chín	C14TC3	
49	1210140392	Trần Thị Kim Yên	05/05/1994			4	Bôn	C14TC3	
50	1210140396	Vũ Hoàng Như Ý	15/01/1994			✓	✓	C14TC3	Nợ HP ✓

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - 1104104

Mã lớp học phần: 110410403

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trần Thế Sao

Ngày thi: 19/12/2014

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: Bảo Ngân Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Minh Tiến Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: Quang Minh Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210140265	Vũ Thanh Hiền	29/11/1993	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
2	1110140089	Nguyễn Dương Khang	02/04/1993	<u>[Signature]</u>		✓	✓	C13TC1	Nợ HP ✓
3	1110140093	Trương Châu Minh Khôi	06/07/1993	<u>[Signature]</u>		2	Hai	C13TC1	
4	1210140267	Nguyễn Thị Tố Nga	06/07/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
5	1210140268	Nguyễn Thị Kim Ngọc	24/09/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14TC3	
6	1210140271	Bùi Vũ Tấn Tài	03/08/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14TC3	
7	1210140270	Võ Phước Tân	01/06/1994	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14TC3	
8	1210140275	Nguyễn Bá Thanh	08/08/1993	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14TC3	
9	1210140277	Phan Thị Kim Thanh	12/01/1994	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C14TC3	
10	1210140276	Phạm Phương Thanh	25/08/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
11	1210140278	Trần Châu Thanh	07/06/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
12	1210140279	Nguyễn Phạm Quốc Thành	21/03/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
13	1210140285	Đinh Nguyễn Thanh Thảo	07/04/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14TC3	
14	1210140282	Lê Trần Thạch Thảo	10/10/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14TC3	
15	1210140283	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	26/04/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14TC3	
16	1210140284	Nguyễn Thị Thu Thảo	26/06/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14TC3	
17	1210140287	Phan Thị Thanh Thảo	03/07/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14TC3	
18	1210140288	Tô Thị Thanh Thảo	10/04/1993	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14TC3	
19	1210140289	Trần Ngọc Thảo	23/09/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14TC3	
20	1210140290	Trần Thị Phương Thảo	02/02/1994	<u>[Signature]</u>		✓	✓	C14TC3	Nợ HP ✓
21	1210140291	Võ Thanh Thảo	01/08/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14TC3	
22	1210140280	Nguyễn Việt Thái	05/05/1993	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14TC3	
23	1210140273	Nguyễn Thị Hồng Thắm	12/10/1994	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C14TC3	
24	1210140274	Trương Thị Thắm	28/02/1993	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
25	1210140292	Lê Thị Bích Thị	23/05/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
26	1210140293	Trần Nhan Thiện	06/11/1992	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14TC3	
27	1210140300	Nguyễn Hoàng Đức Thịnh	21/11/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14TC3	
28	1210140304	Vương Liên Thuận	11/01/1994	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14TC3	
29	1210140308	Hoàng Thị Thanh Thủy	18/09/1993	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C14TC3	
30	1210140307	Hồ Thị Thanh Thủy	13/10/1993	<u>[Signature]</u>		10	Mười	C14TC3	
31	1210140309	Nguyễn Thị Thu Thủy	19/11/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14TC3	
32	1210140310	Trần Thị Đức Thủy	24/04/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	

[Signature]

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210140311	Võ Thị Thanh	Thủy	20/07/1994			8	đám	C14TC3	
34	1210140305	Dương Ngọc	Thúy	16/05/1994			8	đám	C14TC3	
35	1210140295	Đặng Thị Anh	Thư	15/02/1994			6	sáu	C14TC3	
36	1210140296	Ngô Minh	Thư	20/08/1994			5	năm	C14TC3	Nợ HP. 10732
37	1210140298	Phan Thị Anh	Thư	13/06/1994			6	sáu	C14TC3	
38	1210140301	Nguyễn Thị Lưu	Thương	09/09/1993			5	năm	C14TC3	
39	1210140315	Bùi Thụy Thủy	Tiên	17/03/1993			5	năm	C14TC3	
40	1210140316	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	11/09/1994			6	sáu	C14TC3	
41	1210140319	Trương Thủy	Tiên	10/10/1994			5	năm	C14TC3	
42	1210140312	Âu Dũng	Tiến	20/09/1994			4	Bốn	C14TC3	
43	1210140313	Nguyễn Minh	Tiến	15/04/1994			8	đám	C14TC3	
44	1210140321	Trương Thành	Tín	09/08/1994			8	đám	C14TC3	
45	1210140333	Đặng Thị Quỳnh	Trang	01/10/1994			8	sáu	C14TC3	
46	1210140339	Đỗ Hoàng Thiên	Trang	05/10/1993			6	sáu	C14TC3	
47	1210140332	Hồ Thị Thùy	Trang	19/10/1994			5	năm	C14TC3	
48	1210140335	Nguyễn Đặng Quỳnh	Trang	30/06/1993			8	đám	C14TC3	
49	1210140334	Nguyễn Hồng	Trang	07/12/1994			6	sáu	C14TC3	
50	1210140336	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	27/09/1994			8	đám	C14TC3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.